

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
(Theo hệ thống tín chỉ)

Tên chương trình: Sư phạm Tiếng Anh
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Tiếng Anh
Loại hình đào tạo: Chính quy

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHHD ngày...../.... /2014
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức).*

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Tiếng Anh có trình độ đại học, có kiến thức về ngôn ngữ và phương pháp dạy học tiếng Anh; có trình độ tiếng Anh đạt mức C1 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp và phương pháp tư duy khoa học, có khả năng làm việc độc lập, chủ động, sáng tạo để thực hiện tốt những nhiệm vụ thuộc chuyên ngành được đào tạo; có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Sinh viên có đủ kiến thức về ngôn ngữ, văn hoá, xã hội và nghiệp vụ sư phạm.

+ Về ngôn ngữ: Sinh viên có đầy đủ kiến thức ngôn ngữ Anh và có khả năng sử dụng tiếng Anh đạt mức C1 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam để có thể giảng dạy tiếng Anh bậc THPT; có thể đáp ứng yêu cầu công việc ở một số lĩnh vực trong xã hội như biên dịch, phiên dịch, văn phòng, du lịch vv...

+ Về nghiệp vụ sư phạm: Sinh viên có kiến thức về lý luận dạy học tiếng Anh, các phương pháp dạy học tiếng Anh đã và đang được áp dụng, kỹ thuật dạy học từ vựng, ngữ pháp và các kỹ năng tiếng Anh cho học sinh; phương pháp và kỹ thuật kiểm tra đánh giá trong dạy học tiếng Anh cũng như kiến thức nghiệp vụ sư phạm để sinh viên có đủ năng lực, trình độ, kỹ năng giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyên môn và xử lý các tình huống sư phạm trong quá trình dạy học.

+ Về văn hoá - xã hội: Sinh viên có kiến thức về văn hoá, xã hội như: hiểu biết về cấu trúc xã hội, đời sống sinh hoạt, phong tục tập quán, những nét văn hoá tiêu biểu của một số nước trong cộng đồng Anh ngữ.

1.2.2. Kỹ năng

- Sinh viên có thể nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh đạt trình độ C1, có kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong giảng dạy hoặc những công việc có sử dụng tiếng Anh; có kỹ năng tư duy hệ thống và tư duy phân tích; có kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo để có thể hội nhập trong môi trường khu vực và quốc tế; có kỹ năng tự học tập và bồi dưỡng nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức và năng lực ngôn ngữ; có thể tiếp cận nhanh và ứng dụng hiệu quả công nghệ hiện đại, có khả năng tư duy và năng lực nghiên cứu khoa học.

- Có kỹ năng sư phạm vững vàng, có khả năng thích ứng với thị trường lao động khi cần chuyển đổi nghề nghiệp.

1.2.3. Thái độ: Có phẩm chất chính trị tốt, trung thành với Tổ quốc, với đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; có ý thức trách nhiệm cao trong công việc, có đạo đức tốt và có tác phong mẫu mực của nhà giáo.

1.2.4. Sức khỏe: Có đủ sức khỏe để hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

1.2.5. Vị trí công tác

Giáo viên tiếng Anh tại các trường THPT, THCS; có thể làm nhân viên văn phòng tại các cơ quan, doanh nghiệp; làm biên - phiên dịch, hướng dẫn viên du lịch,....

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 134 tín chỉ (TC), chưa bao gồm các học phần Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

4. Đối tượng tuyển sinh: Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD và ĐT.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Quy chế đào tạo ĐH & CĐ hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng BGD & ĐT (Quy chế 43).

6. Thang điểm: Theo Quy chế 43.

7. Nội dung chương trình:

135 Tín chỉ

7.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

48

7.1.1. Lý luận chính trị

10

7.1.2. Ngoại ngữ II

10

7.1.3. Giáo dục thể chất và quốc phòng

+ Giáo dục thể chất

75t

+ Giáo dục quốc phòng

165t

7.1.4. Tin học, KHXH, môi trường, mỹ thuật, âm nhạc

28

+ *Bắt buộc*

13

+ *Tự chọn*

16

7.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

87

7.2.1. Kiến thức cơ sở

7

+ <i>Bắt buộc</i>	5
+ <i>Tự chọn</i>	2
7.2.2. Kiến thức ngành	63
+ <i>Bắt buộc</i>	56
+ <i>Tự chọn</i>	7
7.2.3 Kiến thức bổ trợ	4
+ <i>Bắt buộc</i>	0
+ <i>Tự chọn</i>	4
7.23. Thực tập và khoá luận TN/HP thay thế	13
- Kiến tập sư phạm	2
- Thực tập tốt nghiệp	5
- Khoá luận TN/HP thay thế khoá luận TN	6
+ <i>Bắt buộc</i>	0
+ <i>Tự chọn</i>	6

8. Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	Học ở học kỳ	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
A	Khối kiến thức giáo dục đại cương		48							
I	Lý luận chính trị		10							
1	196045	Những nguyên lý cơ bản của CNML 1	2	21	18		90	1	Nguyên lý	
2	196046	Những nguyên lý cơ bản của CNML 2	3	32	27		135	1	2	Nguyên lý
3	198025	Đường lối CM của ĐCS VN	3	32	27		135	4	4	Đường lối
4	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18		90	2	3	Tư tưởng và PL
II	Ngoại ngữ II		10							
5	Chọn 1 trong 2 học phần									
	133000	Ngoại ngữ II – 1: Tiếng Pháp	4	36	48		180		4	NNKC
		Ngoại ngữ II – 1: Tiếng Trung Quốc	4	36	48		180		4	NNKC
6	Chọn 1 trong 2 học phần									
	133005	Ngoại ngữ II – 2: Tiếng Pháp	3	27	36		135	5	5	NNKC
		Ngoại ngữ II – 2: Tiếng Trung Quốc	3	27	36		135	5	5	NNKC
7	Chọn 1 trong 2 học phần									
		Ngoại ngữ II – 3: Tiếng Pháp	3	27	36		135	6	6	NNKC
	133055	Ngoại ngữ II – 3: Tiếng Trung Quốc	3	27	36		135	6	6	NNKC
III	Giáo dục thể chất và quốc phòng									
		Giáo dục thể chất	75t							GDTC
		Giáo dục quốc phòng	165t							TTGDQP
IV	Tin học, KHXH, Môi trường		28							
8	197030	Pháp luật đại cương	2	18	24		90	2	3	Tư tưởng và PL
9	173080	Tin học	2	10		40	90		1	Tin học UD
10	181080	Tâm lý học	4	36	48		180	1	2	TLGD
11	123015	Dẫn luận ngôn ngữ	2	18	24		90		2	Ngôn ngữ học
12	121005	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	18	24		90		3	Ngôn ngữ học
13	Chọn 1 trong 3 học phần									
	124115	Kiến thức địa phương Thanh Hoá	2	18	24		90		2	Lịch sử
	124195	Lịch sử văn minh thế giới	2	18	24		90		2	Lịch sử
	125105	Môi trường và con người	2	18	24		90		2	Địa lý
14	Chọn 1 trong 2 học phần									
	147052	Âm nhạc	2	18	24		90		5	SP Tiểu học
	143080	Thường thức mỹ thuật	2	18	24		90		5	SP Tiểu học

15	123205	Tiếng Việt thực hành	2	18	24		90		3	Ngôn ngữ học
16	Chọn 1 trong 2 học phần									
	233056	Kỹ năng thuyết trình	2	18	24		90	32-33	8	NN-VH –PPGD
		Công nghệ trong dạy học ngoại ngữ	2	18	24		90	45	8	NN-VH –PPGD
17	132016	PP NC khoa học ngành tiếng Anh	2	27	36		135		4	NN-VH –PPGD
18	182005	Giáo dục học	4	36	48		180	10	3	TLGD
19	198000	Quản lý NN&QLGD	2	18	24		90	2	8	TLGD
B	Khối kiến thức GD chuyên nghiệp		87							
I	Kiến thức cơ sở		7							
20	Chọn 1 trong 2 học phần									
	123100	Ngữ âm- âm vị học	2	18	24		90		1	NN-VH-PPGD
		Luyện phát âm tiếng Anh	2	18	24		90		1	NN-VH-PPGD
21	131076	Ngữ pháp	3	27	36		90		1	NN-VH-PPGD
22	123085	Từ vựng – Ngữ nghĩa học	2	18	24		90	32-33	7	NN-VH-PPGD
II.	Kiến thức ngành									
II.1	Kiến thức ngôn ngữ - dịch thuật		11							
23	Chọn 1 trong 2 học phần									
	132065	Ngữ dụng học	2	18	24		90	32-33	8	NN-VH-PPGD
		Ngôn ngữ học tri nhận	2	18	24		90	32-33	8	NN-VH-PPGD
24	132063	Phân tích diễn ngôn	2	18	24		90	32-33	7	NN-VH-PPGD
25		Biên dịch 1	2	18	24		90	32-33	5	NN-VH-PPGD
26		Biên dịch 2	2	12	18	18	90	23	6	NN-VH-PPGD
27		Phiên dịch	3	27	36		135	32-33	6	NN-VH-PPGD
II.2	Khối kiến thức văn hoá - văn học		6							
28	132058	Văn học Anh -Mỹ	3	27	36		135	32-33	7	NN-VH-PPGD
29	131085	Văn hoá Anh -Mỹ	3	27	36		135	32-33	5	NN-VH-PPGD
II.3	Khối kiến thức tiếng		36							
30		Kỹ năng Nghe Nói 1	3	18	27	27	145	0	1	PTKN
31		Kỹ năng Đọc Viết 1	3	18	27	27	145	0	1	PTKN
32		Kỹ năng Nghe Nói 2	3	18	27	27	145	30	2	PTKN
33		Kỹ năng Đọc Viết 2	3	18	27	27	145	31	2	PTKN
34		Kỹ năng Nghe Nói 3	3	18	27	27	145	32	3	PTKN
35		Kỹ năng Đọc Viết 3	3	18	27	27	145	33	3	PTKN
36		Kỹ năng Nghe Nói 4	3	18	27	27	145	34	4	PTKN
37		Kỹ năng Đọc Viết 4	3	18	27	27	145	35	4	PTKN
38		Kỹ năng Nghe Nói 5	3	18	27	27	145	36	5	PTKN
39		Kỹ năng Đọc Viết 5	3	18	27	27	145	37	5	PTKN
40		Kỹ năng Nghe Nói 6	3	18	27	27	145	38	7	PTKN
41		Kỹ năng Đọc Viết 6	3	18	27	27	145	39	6	PTKN
	Phương pháp dạy học		10							

	Chọn 1 trong 2 học phần									
42	132002	Lý luận dạy tiếng Anh	2	12	18	18	90	32-33	5	NN- VH –PPGD
	233055	Tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai	2	12	18	18	90	32-33	5	NN- VH –PPGD
43	132020	Kỹ thuật dạy tiếng Anh 1	2	12	18	18	90	42	6	NN- VH –PPGD
	Chọn 1 trong 2 học phần									
44	132057	Kỹ thuật dạy tiếng Anh 2	3	18	27	27	135	43	7	NN- VH –PPGD
		Dạy tiếng Anh cho trẻ em	3	18	27	27	135	43	7	NN- VH –PPGD
45	132059	Kiểm tra đánh giá trong DH tiếng Anh	3	18	27	27	135	44	7	NN- VH –PPGD
III	Kiến thức bổ trợ		4							
	Chọn 1 trong 2 học phần									
46	132052	Giao thoa văn hoá	2	18	24		90	32-33	6	NN-VH-PPGD
	132053	Giao tiếp liên văn hoá	2	18	24		90	32-33	6	NN-VH-PPGD
	Chọn 1 trong 3 học phần									
47	132060	Tiếng Anh kinh tế	2	18	24		90	32-33	7	NN-VH-PPGD
	132061	Tiếng Anh du lịch	2	18	24		90	32-33	7	NN-VH-PPGD
	132062	Tiếng Anh thương mại	2	18	24		90	32-33	7	NN-VH-PPGD
IV	Thực tập và KLTN		13							
48	132005	Kiến tập sư phạm	2					44	6	
49	132010	Thực tập tốt nghiệp	5					48	8	
50	132068	Khoá luận TN/ Học phần thay thế	6						8	Khoa Ngoại ngữ
	Học phần thay thế KLTN		6							
	Chọn 2 trong 4 học phần									
		1. Thiết kế giáo án và PT tài liệu dạy học	3	27	36		135	45	8	NN-VH-PPGD
	123070	2. Ngôn ngữ học đối chiếu	3	27	36		135	22	8	NN- VH-PPGD
	132064	3. Phong cách học	3	27	36		135	22	8	NN- VH-PPGD
	132066	4. Ngôn ngữ học xã hội	3	27	36		135	22	8	NN- VH-PPGD
		Tổng	135							

9. Mô tả nội dung các học phần

9.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin 1/The basic principles of Marxist- Leninism 1 2tc (21,18,0)

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ/BGD&ĐT ngày 18/09/2008 của Bộ Trưởng Bộ giáo dục & Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

9.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin 2/The basic principles of Marxist- Leninism 2 3tc (32,27,0)

Điều kiện tiên quyết: 9.1

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ/BGD&ĐT ngày 18/09/2008 của Bộ Trưởng Bộ giáo dục & Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

9.3. Đường lối cách mạng của Đảng CSVN/Vietnamese revolution policy **3 tc (32,27,0)**

Điều kiện tiên quyết: 9.4

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ/BGD&ĐT ngày 18/09/2008 của Bộ Trưởng Bộ giáo dục & Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

9.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh/Ho Chi Minh's ideology **2tc (21,18,0)**

Điều kiện tiên quyết: 9.2

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ/BGD&ĐT ngày 18/09/2008 của Bộ Trưởng Bộ giáo dục & Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

9.5 Ngoại ngữ II - 1/The second foreign language **4 tc (36,48,0)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp của một ngoại ngữ thứ hai (tiếng Pháp hoặc tiếng Trung Quốc), bước đầu hình thành các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp ở các tình huống đơn giản theo khuôn mẫu. Kết thúc học phần người học đạt trình độ A1 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

9.6. Ngoại ngữ II - 2/The second foreign language **3 tc (27,36,0)**

Điều kiện tiên quyết: 9.5

Học phần tiếp tục cung cấp kiến thức ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp ở trình độ cao hơn của một ngoại ngữ thứ hai (tiếng Pháp hoặc tiếng Trung Quốc), nâng cao các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp ở các tình huống đơn giản trong thực tế. Kết thúc học phần người học đạt trình độ A2 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

9.7. Ngoại ngữ II - 3/The second foreign language **3 tc (27,36,0)**

Điều kiện tiên quyết: 9.6

Học phần tiếp tục cung cấp kiến thức ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp ở mức độ nâng cao của một ngoại ngữ thứ hai (tiếng Pháp hoặc tiếng Trung Quốc), nâng cao các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp ở các tình huống tương đối

phức tạp trong thực tế. Kết thúc học phần người học đạt trình độ B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

Giáo dục thể chất /Physical education **75 tiết**

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 3244/ GD-ĐT ngày 12/9/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ Trưởng Bộ giáo dục & Đào tạo.

Giáo dục Quốc phòng /Military education **165 tiết**

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 81/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 24/12/2007 của Bộ Trưởng Bộ giáo dục & Đào tạo.

9.8. Pháp luật đại cương/General law **2tc (18,24,0)**

Điều kiện tiên quyết: 9.2

Cung cấp các khái niệm, các phạm trù cơ bản nhất về Nhà nước và pháp luật dưới góc độ khoa học quản lý; phân tích cấu trúc của bộ máy nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam, tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản qui phạm pháp luật, một số nội dung cơ bản của Luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự.

9.9. Tin học /Infomatics **2 tc (10,0,40)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Cung cấp các khái niệm cơ bản về tin học, thông tin và xử lý thông tin, đơn vị đo thông tin, vị trí vai trò của các thành phần trong máy tính điện tử. Giúp sinh viên nắm vững vai trò chức năng của hệ điều hành, các khái niệm cơ bản, một số lệnh của Windows, các kỹ năng khai thác Windows và Internet, các kỹ năng xử lý văn bản (Microsoft Word), các thao tác cơ bản đối với file văn bản, định dạng văn bản, chèn tranh ảnh, các ký tự đặc biệt, tạo bảng biểu trong Word, tạo các slide, các hiệu ứng để trình chiếu trong Powerpoint, xử lý bảng tính Excel, xây dựng các biểu đồ, đồ thị để minh họa cho các dữ liệu cần nghiên cứu, phân tích.

9.10. Tâm lý học /Psychology

4 tc (36,48,0)

Điều kiện tiên quyết: 9.1

Học phần cung cấp những nội dung cơ bản khái quát về tâm lý học, tạo cơ sở cho việc tiếp thu tốt các môn Giáo dục học, PPGD và các môn thuộc về nghiệp vụ sư phạm (rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên, giao tiếp sư phạm, thực tập sư phạm..., trên cơ sở đó nghiên cứu

vận dụng và tìm giải pháp phù hợp trong quá trình giảng dạy sau khi tốt nghiệp.

9.11. Dẫn luận ngôn ngữ học/Introduction to linguistics 2 tc (18,24,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về bản chất của ngôn ngữ loài người, về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, giữa ngôn ngữ và tư duy; cung cấp những tri thức chung về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ dụng để hiểu một ngôn ngữ cụ thể (tiếng Việt, tiếng Anh) và làm cơ sở để đối chiếu ngôn ngữ.

9.12. Cơ sở văn hóa Việt Nam/Basic Vietnamese culture 2 tc (18,24,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên về văn hoá đại cương, các quan điểm và phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu văn hoá nói chung và văn hoá Việt Nam nói riêng. Thông qua các thành tố văn hoá không gian và thời gian văn hoá, sinh viên hiểu được bản sắc văn hoá dân tộc. Học phần cũng nhằm góp phần tạo cho sinh viên một bản sắc văn hoá dân tộc trong quá trình học tập và tiếp xúc với văn hoá của nước Anh.

9.13. Chọn 1 trong 3 học phần

a. Kiến thức địa phương Thanh Hoá/Introduction to Thanh Hoa locality

2tc (18,24,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về tiến trình lịch sử, các sự kiện, nhân vật lịch sử tiêu biểu, điều kiện tự nhiên, địa lí kinh tế, đặc điểm văn hóa và con người Thanh Hóa.

b. Lịch sử văn minh thế giới/The history of world civilizations

2tc

(18,24,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình ra đời và phát triển của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử loài người. Nội dung của học phần tập trung đi vào các hệ thống nền văn minh thời Trung cổ đại ở phương Đông và phương Tây và các nền văn minh công nghiệp hiện đại. Ngoài ra học phần cũng giới thiệu sơ lược về quá trình toàn cầu hoá và ảnh hưởng của toàn cầu hoá tới Việt Nam.

c. Môi trường và con người/Environment and human 2tc (18,24,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Cung cấp cho sinh viên các khái niệm và nội dung cơ bản về môi trường toàn cầu và Việt Nam; mối quan hệ biện chứng giữa môi trường và phát triển hiện nay-phát triển bền vững và phát triển không bền vững (tại các kiểu vùng sinh thái cơ bản: nông thôn và đô thị ở Việt Nam); về vai trò của nhà nước, các tổ chức phi chính phủ và cộng đồng trong bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Học phần cũng trang bị cho sinh viên một số phương pháp ưu thế trong đánh giá phát triển; tạo lập các phương pháp tư duy hệ thống trong nhận thức các vấn đề về môi trường và phát triển.

9.14. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Âm nhạc/Music Education

2tc (18,24,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

* **Nhạc lý cơ bản:** Cung cấp những kiến thức cơ bản về nhạc lý: cao độ, trường độ của âm thanh, nốt, phách, dấu hoá, hoá biểu, cấu tạo cung, quãng, điệu thức, gam, giọng, Dịch giọng, hợp âm và các Ký hiệu âm nhạc khác

* **Xướng âm:** Giới thiệu và thực hành tập đọc các bản nhạc tế không có dấu hoá đến một dấu hoá thăng và giáng với các loại nốt đơn, nốt kết, nốt phức, kết hợp đọc với các loại tiết tấu cơ bản: nốt trịn, nốt trắng, nốt đen, nốt móc đơn, nốt móc kép, chùm ba, đảo phách, nghịch phách... ứng dụng đọc xướng âm các bài hát ca khúc và dân ca.

b. Thường thức mỹ thuật/Arts Education

2tc (18,24,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về sự phát triển của Mỹ thuật Việt Nam và thế giới: nghệ thuật kiến trúc, nghệ thuật điêu khắc, nghệ thuật hội hoạ và nghệ thuật trang trí gốm. Bồi dưỡng và nâng cao thị hiếu thẩm mỹ, năng lực cảm thụ cái đẹp trong mỹ thuật

9.15. Tiếng Việt thực hành/Practical Vietnamese

2tc (18,24,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nhằm củng cố và phát triển các kỹ năng thực hành tiếng Việt ở mức độ cao (kỹ năng ghi chép bài giảng, bài nói, kỹ năng tóm tắt, kỹ năng tổng thuật qua nghe hoặc đọc văn bản...). Ngoài ra, học phần cũng nhằm cung cấp những tri thức cơ bản và hiện đại về tiếng Việt, làm cơ sở để đối chiếu ngôn ngữ.

9.16. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Kỹ năng thuyết trình/Presentation skills

2tc (18,24,0)

Điều kiện tiên quyết: 9.36 – 9.39

Học phần nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về thuyết trình học thuật trong tiếng Anh: các dạng bài thuyết trình, phương pháp thuyết trình, thủ thuật và kỹ thuật trong thuyết trình, các bước chuẩn bị một bài thuyết trình. Ngoài ra học phần cũng nhằm tăng cường thời lượng rèn luyện kỹ năng thực hành tiếng Anh cho sinh viên thông qua làm thuyết trình bằng tiếng Anh trên lớp.

b. Công nghệ trong dạy học ngoại ngữ/ ICT in Language Teaching
2tc (18,24,0)

Điều kiện tiên quyết: 9.45

Học phần nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về ứng dụng công nghệ hiện đại trong dạy học tiếng Anh, phát triển kỹ năng thực hành khai thác và ứng dụng công nghệ hiện đại trong dạy học như soạn giáo án điện tử, sử dụng phần mềm trong dạy học, ứng dụng một số phần mềm giáo dục trong thiết kế bài dạy, bài kiểm tra, khai thác thông tin từ mạng internet, ứng dụng các trang mạng xã hội trong dạy học.

9.17. Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành tiếng Anh/
Scientific research methods in ELT
2 tc (18,24,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành khoa học xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực ngôn ngữ và phương pháp dạy học tiếng nước ngoài như: phương pháp điều tra, phương pháp thực nghiệm và các kỹ thuật thu thập và xử lý số liệu của một nghiên cứu như: phỏng vấn, quan sát, thống kê, khảo sát, đối chiếu, miêu tả vv...

Ngoài ra, học phần còn nhằm giúp sinh viên làm quen với các công cụ, kỹ năng nghiên cứu, các giai đoạn của từng loại hình nghiên cứu khác nhau, phân tích, đánh giá một công trình nghiên cứu cụ thể.

9.18. Giáo dục học/Education study
(36,48,0)
4 tc

Điều kiện tiên quyết: 9.10

Học phần cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản, đại cương về giáo dục học, các khái niệm, các phạm trù, các nguyên tắc và phương pháp cơ bản của giáo dục học, làm cơ sở cho việc tiếp thu các học phần PPGD, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm.

9.19. Quản lý HCNN & QLGD/Administration and education
management
2 tc (18,24,0)

Điều kiện tiên quyết: 9.2

Thực hiện theo quyết định số 33/2002-BGD&ĐT ngày 22/7/2002 về việc ban hành chương trình QLHCNN & QLGD.

9.20. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Ngữ âm - Âm vị học/Phonetics and phonology 2tc (18,24,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngữ âm tiếng Anh như trọng âm, ngữ điệu, cao độ, trường độ, các âm vị và biến thể âm vị, thành phần và vị trí của âm tiết trong từ; những đặc điểm cơ bản của phụ âm và nguyên âm, những hiểu biết cơ bản về các yếu tố siêu đoạn tính để học viên có thể tự hoàn thiện khả năng phát âm của mình, phát triển khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh và tạo tiền đề cho việc nghiên cứu một số vấn đề cụ thể trong lĩnh vực này.

b. Luyện phát âm tiếng Anh/ English pronunciation practice

2tc (18,24,0)

Học phần gồm các miêu tả và luyện phát âm các nguyên âm và phụ âm tiếng Anh, phân biệt các âm dài, âm ngắn, âm tắc, âm xát, âm nổ vv... nguyên âm đôi, nguyên âm ba, âm trượt, các hiện tượng nuốt âm, đồng hóa âm trong tiếng Anh. Bên cạnh đó, những hiện tượng âm khác biệt trong tiếng Anh và tiếng Việt cũng được đưa vào các nội dung bài học như cách phiên âm và đọc phụ âm cuối. Đồng thời, học phần cũng bao gồm những bài học giới thiệu và rèn luyện cách nhận biết và phát âm trọng âm từ: danh từ, động từ, tính từ vv... và ngữ điệu câu. Học phần luyện phát âm còn tập trung rèn luyện ngữ điệu tự nhiên của một số câu đơn giản như câu hỏi, câu chào, câu trần thuật vv...

9.21. Ngữ pháp/English grammar

3 tc (27,36,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các vấn đề ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh như: từ loại, thì, thể, thức, các dạng cấu trúc câu tiếng Anh; giúp người học ứng dụng được các kiến thức của môn học vào việc phát triển kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết tiếng Anh.

9.22. Từ vựng – Ngữ nghĩa học/ Lexicology - Semantics 2 tc (18,24,0)

Điều kiện tiên quyết: 9.32-9.33

Học phần nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về từ vựng trong tiếng Anh: từ loại, cấu tạo từ, tiền tố, hậu tố... Đồng thời học phần cũng cung cấp kiến thức cơ bản về ngữ nghĩa học, các nét nghĩa, các đường hướng nghiên cứu ngữ nghĩa học, các vấn đề cơ bản trong ngữ nghĩa học: nghĩa của từ, nghĩa của câu, nghĩa phát ngôn, cách phân biệt nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn vv....

9.23. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Ngữ dụng học/Pragmatics **2 tc (18,24,0)**

Điều kiện tiên quyết: 9.32-9.33

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các phạm trù ngữ dụng học như: mối quan hệ giữa các hình thái ngôn ngữ và người sử dụng chúng, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và ngữ cảnh, chỉ xuất và khoảng cách, hàm ngôn, tiền giả định, nguyên tắc cộng tác và các phương châm hội thoại .v.v...

b. Ngôn ngữ học tri nhận/ Cognitive linguistics **2 tc (18,24,0)**

Điều kiện tiên quyết: 9.32-9.33

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng nhất của ngôn ngữ học tri nhận như sự ra đời, các xu hướng chính, các nguyên lí của ngôn ngữ học tri nhận, ý niệm và ý niệm hóa, phạm trù và phạm trù hóa, ẩn dụ và hoán dụ tri nhận, phạm trù xuyên tâm, kết cấu, vấn đề hình/nền, mối quan hệ giữa ngôn ngữ-tri nhận-văn hóa.

9.24. Phân tích diễn ngôn/ Discourse analysis **2 tc (18,24,0)**

Điều kiện tiên quyết: 9.32-9.33

Học phần nhằm cung cấp những kiến thức về phân tích ngôn bản trong tiếng Anh, cách thức và các bình diện trong phân tích ngôn bản tiếng Anh như: ngữ cảnh, đồng văn bản, chủ đề và khung chủ đề...tạo cơ sở để người học tiếp tục học tập và nghiên cứu nâng cao trong lĩnh vực ngôn ngữ.

9.25. Biên dịch 1/Translation 1 **2tc (28,24,0)**

Điều kiện tiên quyết: 9.32-9.33

Học phần nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết dịch, các phương pháp và đường hướng dịch thuật, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong biên dịch, các tiêu chí để đánh giá một bản dịch. Ngoài ra học phần cũng nhằm tăng cường thời lượng thực hành kỹ năng ngôn ngữ cho sinh viên thông qua thực hành dịch văn bản Anh-Việt, Việt-Anh về một số chủ đề thông thường như đất nước-con người, dân số, môi trường, giáo dục...

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các chiến lược và kỹ thuật xử lý văn bản trong biên dịch như: dịch tiêu đề báo chí, dịch thành ngữ, dịch các khái niệm văn hóa không có tương đương trong ngôn ngữ nguồn, dịch văn bản khoa học, dịch hợp đồng thương mại, dịch quảng cáo...Ngoài ra học phần cũng nhằm tăng cường thời lượng thực hành ngôn ngữ cho viên sẽ thông qua thực hành dịch văn bản Anh-Việt, Việt-Anh về các chủ đề thương mại, y học, khoa học-kỹ thuật...

9.27. Phiên dịch / Translation **3tc (27,36,0)**

Điều kiện tiên quyết: 9.32-9.33

Học phần nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về phiên dịch như: các loại hình phiên dịch, kỹ thuật trong phiên dịch, yêu cầu trong phiên dịch, phẩm chất đạo đức của người làm phiên dịch. Ngoài ra học phần cũng nhằm tăng cường thời lượng thực hành kỹ năng ngôn ngữ cho người học thông qua thực hành phiên dịch trong phòng học tiếng về các loại hình dịch: dịch hội thảo, dịch hội thoại, dịch theo đoàn...

9.28. Văn học Anh-Mỹ/English and American literature 3tc (27,36,0)

Điều kiện tiên quyết: 9.32-9.33

Học phần nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về nền Văn học Anh, Văn học Mỹ thế kỷ 19-20 thông qua giới thiệu một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu, cung cấp nguyên tác một số đoạn trích, tác phẩm...nhằm nâng cao năng lực ngôn ngữ cho người học.

9.29. Văn hoá Anh-Mỹ/English and American culture 3 tc (27,36,0)

Điều kiện tiên quyết: 9.32-9.33

Học phần giới thiệu khái quát về lịch sử nước Anh và Mỹ; giá trị văn hoá; phong tục, tập quán, các ngày lễ hội chính của nước Anh, nước Mỹ và hệ thống chính trị, giáo dục của các nước Anh và Mỹ. Học phần giúp người học ứng dụng kiến thức môn học trong giao tiếp liên ngôn và nghiên cứu trong lĩnh vực văn hóa ngôn ngữ.

9.30. Kỹ năng Nghe Nói 1/ Listening-Speaking skills 1 3tc (18, 54)

Điều kiện tiên quyết: 0

Học phần bước đầu hình thành kỹ năng nghe nói cho người học. Cung cấp cho người học một số kỹ năng nghe nói cơ bản. Đối với kỹ năng nghe, học phần giúp người học nhận biết và phân biệt được các âm tiết có trọng âm hoặc từ đồng âm khác nghĩa, nghe từ chìa khóa, nghe và hiểu nội dung chính của đoạn hội thoại hoặc một bài nói ngắn. Người học thực hành các kỹ năng nghe qua các cuộc hội thoại đơn giản diễn ra trong nhà hàng, khách sạn, hỏi và trả lời về giá cả, số, số điện thoại, các thông báo ngắn vv... Đối với kỹ năng nói, học phần giúp người nắm được những cấu trúc câu dùng để giới thiệu về bản thân, sức khoẻ, miêu tả địa điểm; cách nói về thời tiết, cách nói về sở thích, các môn thể thao, những hoạt động thường làm trong thời gian rảnh. Kết thúc HP, người học phải đạt được trình độ tương đương A2 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam

9.31. Kỹ năng Đọc Viết 1/ Reading-Writing skills 1 3tc (18, 54)

Điều kiện tiên quyết: 0

Học phần này cung cấp cho sinh viên một số kỹ năng đọc cơ bản để đọc hiểu các bài khóa có văn phong khác nhau về các chủ đề quen thuộc có độ dài từ 200 - 300 từ. Người học được rèn luyện các kỹ năng đọc lướt, hiểu được nội dung chính,

tìm thông tin chi tiết, đoán nghĩa của từ mới dựa vào ngữ cảnh. Học phần cũng hình thành và rèn luyện cho sinh viên một số kỹ năng viết các loại câu cơ bản, viết bản ghi nhớ, viết bưu thiếp, viết thư thân mật, viết một đoạn văn ngắn khoảng 100 - 150 từ thể hiện quan điểm, miêu tả phong cảnh, đồ vật, con người. Kết thúc HP, SV phải đạt được trình độ tương đương A2.

9.32. Kỹ năng Nghe Nói 2/Listening-Speaking skills 2 3tc (18, 54)

Điều kiện tiên quyết: 9.30

Học phần tiếp tục cung cấp và rèn luyện thêm một số kỹ năng nghe nói cho người học. Đối với kỹ năng nghe, học phần giúp người học nhận biết được cách bày tỏ thái độ hoặc ý kiến của người nói; chọn cách phản hồi hợp lý nhất; để lại lời nhắn và ghi lại lời nhắn; xác định nội dung chính, thông tin chi tiết thông qua các đoạn ghi âm miêu tả người, đồ vật, các cuộc hội thoại về những cuộc đi mua sắm, dã ngoại; ... Đối với kỹ năng nói, học phần giúp người học rèn luyện cách bày tỏ quan điểm, cách nhận xét về một vấn đề, cách đồng tình, phản đối ở cả 2 dạng đối thoại và độc thoại. Học phần đồng thời cung cấp thêm cho người học vốn từ vựng cần thiết, cách kết hợp từ; cung cấp kiến thức về văn hoá xã hội, về con người thông qua các bài khóa giới thiệu về một số quốc gia trên thế giới. Kết thúc học phần, người học phải đạt được trình độ tương đương B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

9.33. Kỹ năng Đọc Viết 2/Reading-Writing skills2 3tc (18, 54)

Điều kiện tiên quyết: 9.31

Trong học phần này, sinh viên được cung cấp thêm một số kỹ năng đọc như xác định từ đồng nghĩa, từ gần nghĩa, từ thay thế; sắp xếp các đoạn thành bài đọc hoàn chỉnh. Học phần cũng cung cấp và rèn luyện cho người học kỹ năng viết một bài tiểu luận hoàn chỉnh, đa dạng về thể loại như kể chuyện, báo cáo, bình luận... Sinh viên được tiếp cận các bài đọc có văn phong khác nhau, cũng như được rèn luyện viết các bài viết có chủ đề đa dạng về các vấn đề về xã hội, giáo dục, y tế, tự nhiên, môi trường, khoa học kỹ thuật... Kết thúc HP, SV phải đạt được trình độ B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

9.34. Kỹ năng Nghe Nói 3/Listening-Speaking skills 3 3tc (18, 54)

Điều kiện tiên quyết: 9.32

Học phần tiếp tục cung cấp và rèn luyện các kỹ năng nghe nói cho sinh viên thông qua các dạng bài tập luyện nghe nói khác nhau. Đối với kỹ năng nghe, học phần giúp người học biết cách so sánh hoặc liên hệ các thông tin trong khi nghe, suy đoán, xác định thông tin chính xác, xác định ý nghĩa của một số thành ngữ được sử dụng trong các bài nghe, nói liên qua đến những chủ đề văn hóa-xã hội, môi trường, y tế, giáo dục vv.. Đối với kỹ năng nói, học phần tiếp tục cung cấp cho người học thêm vốn từ vựng thông qua các bài khóa có nội dung đa dạng về văn hóa, du

lịch, thể thao, khoa học, y tế, giáo dục... giúp người học biết cách kết hợp, sử dụng từ vựng, cấu trúc một cách khá nhuần nhuyễn trong lời nói như cách đưa ra ý kiến, quan điểm của cá nhân, cách tranh luận, cách thuyết phục....Kết thúc học phần, người học đạt được trình độ tương đương tiền B2. (B1+)

9.35. Kỹ năng Đọc Viết 3/ Reading-Writing skills 3 3tc (18, 54)

Điều kiện tiên quyết: 9.34

Học phần nhằm cung cấp cho người học thêm một số kỹ năng đọc như suy luận hàm ý của tác giả, biết tìm nội dung chính của bài đọc và phân tích các bài đọc hiểu có văn phong khác nhau, có chủ đề đa dạng về chủ đề. Bên cạnh đó, học phần cung cấp và rèn luyện cho người học kỹ năng viết một bài luận dài hoàn chỉnh, thực hành cách lập dàn ý, cách viết đoạn mở bài, viết câu luận đề, cách phát triển nội dung luận đề và cách viết phần kết luận. Các dạng bài viết đa dạng về thể loại như nghị luận, bình luận, nguyên nhân và kết quả... với nội dung phong phú như phân tích, chứng minh, tranh luận hoặc bình luận về 1 vấn đề hay hiện tượng xã hội. Kết thúc HP, SV đạt được trình độ tương đương tiền B2. (B1+)

9.36. Kỹ năng Nghe Nói 4/Listening-Speaking skills 4 3tc (18, 54)

Điều kiện tiên quyết: 9.34

Học phần tiếp tục cung cấp và rèn luyện kỹ năng nghe nói nhằm giúp người học phát triển nâng cao những kỹ năng này. Đối với kỹ năng nghe, người học có thể nghe và hiểu được chính xác nội dung một bài nói, một hướng dẫn hay một bài thuyết trình tương đối dài về các vấn đề khác nhau như văn hóa - xã hội, chính trị, khoa học kỹ thuật, khoa học tự nhiên...Đối với kỹ năng nói, người học được học kỹ năng bình luận, thuyết trình về một vấn đề với những chủ đề liên quan đến khoa học tự nhiên xã hội, giáo dục, y tế, sức khỏe, thể thao, thẩm mỹ...Học phần tập trung vào phát triển khả năng làm việc độc lập của người học như trình bày quan điểm hoặc thể hiện ý kiến cá nhân, tạo ra những tình huống để rèn luyện kỹ năng nói. Kết thúc học phần, người học phải đạt được trình độ tương đương B2.

9.37. Kỹ năng Đọc Viết 4/ Reading-Writing skills 4 3tc (18, 54)

Điều kiện tiên quyết: 9.35

Học phần tiếp tục rèn luyện cho người học các kỹ năng đọc cơ bản và rèn luyện tốc độ đọc, giúp sinh viên xử lý tốt những đoạn văn có văn phong, chủ đề khác nhau do người bản xứ biên soạn với nội dung câu hỏi đa dạng. Học phần còn giúp người học tiếp tục rèn luyện các kỹ năng viết một bài luận hoàn chỉnh. Sinh viên được thực hành viết các loại bài luận khác nhau có độ dài khoảng 250 từ như bài văn tường thuật, bài văn nghị luận, bài văn miêu tả quá trình, bài văn phân loại... Học phần còn cung cấp cho sinh viên cách phân biệt kỹ năng viết một lá thư trang trọng với việc viết một lá thư thân mật, cách trình bày thư theo mẫu bắt buộc,

cách dùng văn phong phù hợp cho từng loại thư. Kết thúc học phần, người học phải đạt được trình độ tương đương B2.

9.38. Kỹ năng Nghe Nói 5/Listening-Speaking skills 5 3tc (18, 54)

Điều kiện tiên quyết: 9.36

Học phần nhằm tiếp tục phát triển và nâng cao kỹ năng nghe nói cho người học. Đối với kỹ năng nghe, người học hiểu và đoán được ý của người nói một cách chính xác thông qua nội dung nghe. Có thể hiểu được các bài nói dài ngay cả khi cấu trúc bài nói không rõ ràng; hiểu được các chương trình truyền hình và xem các bộ phim mà không phải cố gắng quá nhiều. Người học được thực hành luyện nghe các dạng bài nghe tổng hợp có độ dài khoảng 35 phút với số lượng câu hỏi là 40 câu.

Đối với kỹ năng nói, người học được luyện cách sử dụng cấu trúc, từ vựng tiếng Anh một cách nhuần nhuyễn để trình bày quan điểm của mình; có thể diễn đạt ý mình một cách khá trôi chảy và tự nhiên; có thể sử dụng ngôn ngữ một cách khá linh hoạt và hiệu quả cho các mục đích xã hội và chuyên môn; có thể đưa ra ý kiến, quan điểm chính xác và khéo léo đưa đẩy câu chuyện với những người khác. Những bài tập nghe và luyện nói có nội dung liên quan đến các lĩnh vực của cuộc sống như: giáo dục, y tế, kinh tế, du lịch... Kết thúc HP, SV phải đạt được trình độ tương đương tiền C1(B2+) theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

9.39. Kỹ năng Đọc Viết 5/ Reading-Writing skills 5 3tc (18, 54)

Điều kiện tiên quyết: 9.37

Học phần này giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng đọc để có thể hiểu các văn bản dài khoảng 400 từ, cách nhận biết quan điểm của tác giả, nâng cao tốc độ và khả năng đọc hiểu. Các bài đọc có liên quan đến các chủ đề khác nhau như khoa học, công nghệ, văn hóa, xã hội, y học... Học phần cũng giúp sinh viên làm quen cách viết bài phân tích biểu đồ, lược đồ, bảng biểu, cách sử dụng ngôn ngữ khoa học, chính xác, cách viết bài luận thể hiện quan điểm đồng ý hay không đồng ý với một ý kiến. Người học có thể viết bài trả lời với cách diễn đạt rõ ràng, chính xác, linh hoạt và hiệu quả với phong cách thích hợp. Kết thúc HP, SV phải đạt được trình độ gần tương đương tiền C1 (B2+) theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

9.40. Kỹ năng Nghe Nói 6/Listening-Speaking skills 6 3tc (18, 54)

Điều kiện tiên quyết: 9.38

Học phần nhằm tiếp tục phát triển và nâng cao hơn nữa kỹ năng nghe nói cho người học. Đối với kỹ năng nghe, người học có thể theo dõi và hiểu được những bài thuyết trình chuyên ngành có sử dụng nhiều lối nói khác nhau, chứa đựng các yếu tố văn hóa hoặc các thuật ngữ tương đối phức tạp hoặc dễ gây tranh cãi như pháp luật, tài chính. Có thể nghe hiểu được mọi điều một cách khá dễ dàng theo tốc độ nói của người bản ngữ. Đối với kỹ năng nói, người học có thể truyền đạt

chính xác các sắc thái ý nghĩa tinh tế bằng cách sử dụng nhiều loại câu với độ chính xác cao. Sử dụng thành thạo các cách diễn đạt kiểu thành ngữ với nhận thức rõ về các tầng nghĩa. Có thể đổi cách diễn đạt để tránh gặp khó khăn khi giao tiếp và thể hiện một cách trôi chảy nội dung cần truyền đạt. Ngoài ra học phần còn cung cấp cho người học một số kỹ năng làm bài thi để có thể tham dự các kỳ thi tiếng Anh quốc tế như IELTS, TOEFL iBT hay các kỳ thi theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. Kết thúc học phần, người học phải đạt được trình độ tương đương C1.

9.41. Kỹ năng Đọc Viết 6/ Reading-Writing skills 6 3tc
(18,27,27)

Điều kiện tiên quyết: 9.39

Học phần này giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng đọc để có thể hiểu các văn bản dài, các tác phẩm văn học phức tạp và có thể hiểu được các bài viết dài về chuyên môn hoặc hướng dẫn kỹ thuật ngay cả khi không liên quan đến lĩnh vực của mình. cách nhận biết quan điểm của tác giả, nâng cao tốc độ và khả năng đọc hiểu. Các bài đọc có liên quan đến các chủ đề khác nhau như khoa học, công nghệ, văn hóa, xã hội, y học... Học phần cũng giúp sinh viên làm quen cách viết bài phân tích biểu đồ, lược đồ, bảng biểu, cách sử dụng ngôn ngữ khoa học, chính xác, cách viết bài luận thể hiện quan điểm đồng ý hay không đồng ý với một ý kiến. Người học có thể viết bài trả lời với cách diễn đạt rõ ràng, chính xác, linh hoạt và hiệu quả với phong cách thích hợp. Kết thúc học phần, người học phải đạt được trình độ tương đương C1.

9.42. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Lý luận dạy tiếng Anh/English teaching theories 2tc(12,18,18)

Điều kiện tiên quyết: 9.32-9.33

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về lịch sử ra đời, những ưu, nhược điểm của các phương pháp dạy học ngoại ngữ đã và đang được áp dụng trong các nước trên thế giới. Đồng thời giúp sinh viên nắm được những biến tổ trong dạy học ngoại ngữ như: động cơ học tập, năng khiếu ngôn ngữ, kiểu tư duy.

b. Tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai/ Second Language Acquisition

2tc(12,18,18)

Điều kiện tiên quyết: 9.32-9.33

Học phần nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về cơ chế, đặc điểm của việc tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai như: bản chất của quá trình tiếp thụ ngôn ngữ, so sánh quá trình tiếp thụ ngôn ngữ thứ nhất với ngôn ngữ thứ hai, nghiên cứu quá trình tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai từ góc độ ngôn ngữ học, tâm lý học, xã hội học, các yếu

tô tác động đến quá trình tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai, ứng dụng của các đường hướng nghiên cứu quá trình tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai trong dạy và học ngoại ngữ...

9.43. Kỹ thuật dạy tiếng Anh 1/ English teaching techniques 1

2tc (12,18,18)

Điều kiện tiên quyết: 9.42

Học phần nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về phương pháp và kỹ thuật dạy từ vựng, ngữ pháp hiện đại. Người học được tiếp cận với các kỹ thuật dạy học mới thông qua giờ dạy mẫu và được thực hành dạy từ vựng, ngữ pháp dưới sự hướng dẫn của giảng viên phụ trách môn học.

9.44. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Kỹ thuật dạy tiếng Anh 2/ English teaching techniques 2

3tc(18,27,27)

Điều kiện tiên quyết: 9.43

Học phần nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về phương pháp và kỹ thuật dạy học các kỹ năng tiếng Anh, cách phân chia các giai đoạn một tiết học kỹ năng tiếng Anh và tích hợp các kỹ năng trong cùng một bài học. Người học được tiếp cận với các kỹ thuật dạy học mới thông qua giờ dạy mẫu và được thực hành dạy kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết dưới sự hướng dẫn của giảng viên phụ trách môn học.

b. Dạy tiếng Anh trẻ em/ Teaching English for Young Learners

3tc(18,27,27)

Điều kiện tiên quyết: 9.42

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về lý luận và phương pháp dạy học tiểu học như: tư duy ngôn ngữ, động cơ học tập của học sinh tiểu học, phương pháp dạy học tiểu học. Ngoài ra, học phần còn nêu rõ những khó khăn trong việc dạy kỹ năng nghe/nói tiếng Anh ở cấp Tiểu học, cung cấp kiến thức và kỹ năng liên quan đến việc phát triển kỹ năng nghe/nói, lợi ích của việc sử dụng loại hoạt động như kể chuyện, đóng vai, v.v... nhằm hỗ trợ khả năng lĩnh hội tiếng Anh của học sinh.

9.45. Kiểm tra đánh giá trong dạy học tiếng Anh/ Testing in English teaching

3tc(18,27,27)

Điều kiện tiên quyết: 9.44

Học phần nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về mục đích, yêu cầu của kiểm tra đánh giá trong quá trình học tập, phân loại các loại hình kiểm tra

đánh giá như kiểm tra định kỳ, kiểm tra phân loại, kiểm tra cuối kỳ... Đồng thời giúp sinh viên nắm được những nguyên tắc cơ bản của quá trình thiết kế bài kiểm tra, tiêu chí cho điểm, cách thiết lập thang điểm nhằm đánh giá chính xác chất lượng quá trình học tập của học sinh.

9.46. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Giao thoa văn hóa /Cross culture communication 2 tc (18,24,0)

Điều kiện tiên quyết: 9.32-9.33

Học phần nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hóa, văn hóa ứng xử và văn hóa giao tiếp của một số cộng đồng người nói tiếng Anh trên thế giới. Ngoài ra học phần cũng cung cấp kiến thức về các loại hình giao tiếp, các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp giao văn hóa, xung đột văn hóa, sốc văn hóa, ứng xử trong xung đột văn hóa... nhằm tăng cường năng lực giao tiếp cho người học.

b. Giao tiếp liên văn hoá/Interculture communication 2 tc (18,24,0)

Điều kiện tiên quyết: 9.32-9.33

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về các yếu tố liên quan đến giao tiếp liên văn hoá như: Tuổi tác, khoảng cách xã hội, khoảng cách địa vị, các chiến lược giao tiếp, bình diện lịch sử...

9.47. Chọn 1 trong 3 học phần

a. Tiếng Anh kinh tế/English for economics 2 tc (18,24,0)

Điều kiện tiên quyết: 9.32-9.33

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cấu trúc và vốn từ vựng tiếng Anh thuộc lĩnh vực kinh tế nhằm giúp cho sinh viên có đủ khả năng xử lý các văn bản tiếng Anh thuộc lĩnh vực kinh tế như: marketing, hợp đồng kinh tế, các văn bản kinh tế, quảng cáo, báo cáo kinh tế – tài chính...

b. Tiếng Anh du lịch/English for tourism 2 tc (18,24,0)

Điều kiện tiên quyết: 9.32-9.33

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và vốn từ vựng tiếng Anh thuộc lĩnh vực du lịch nhằm giúp cho sinh viên có đủ khả năng xử lý các văn bản tiếng Anh thuộc lĩnh vực du lịch như: hợp đồng du lịch, giới thiệu các điểm du lịch, biên phiên dịch phục vụ các đoàn khách du lịch...

c. Tiếng Anh thương mại/English for business 2tc(18,24,0)

Điều kiện tiên quyết: 9.32-9.33

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản và vốn từ vựng tiếng Anh thuộc lĩnh vực thương mại nhằm giúp cho sinh viên có đủ khả năng xử lý các văn bản tiếng Anh thuộc lĩnh vực thương mại như: thư tín thương mại, marketing, hợp đồng, quảng cáo...

9.48. Kiến tập sư phạm/ Classroom observation

2tc

Điều kiện tiên quyết: 9.44

Học phần cung cấp cho người học kiến thức thực tiễn về cách thức tổ chức các hoạt động dạy học, các hoạt động đoàn đội cho học sinh ở trường phổ thông. Bước đầu làm quen với các hoạt động dự giờ, thao giảng, đánh giá giờ dạy, xử lý các tình huống sư phạm và làm quen với môi trường làm việc ở trường phổ thông.

9.49. Thực tập tốt nghiệp/Practicum

5tc

Điều kiện tiên quyết: 9.48

Học phần cung cấp cho người học kiến thức thực tiễn về phương pháp giảng dạy, soạn bài, người học được thực hành giảng dạy dưới sự hướng dẫn của giáo viên phổ thông.

9.50. Khoá luận tốt nghiệp/Thesis

6tc

Điều kiện tiên quyết: Theo quy định

Học phần giúp người học nghiên cứu sâu một vấn đề có liên quan đến ngôn ngữ hoặc phương pháp giảng dạy tiếng Anh mà họ quan tâm dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.

Học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp (Chọn 2 trong 4 học phần)

a. Thiết kế giáo án và phát triển tài liệu dạy học/ Lesson planning and material development **3tc(27,36,0)**

Điều kiện tiên quyết: 9.45

Học phần cung cấp cho sinh viên những nguyên tắc cơ bản trong việc thiết kế giáo án và phát triển tài liệu dạy học môn tiếng Anh ở trường trung học phổ thông. Đồng thời giúp người học tham khảo, đánh giá những giáo án mẫu và cách thức chọn lựa tài liệu cho trong một bài học cụ thể. Sinh viên cũng được thực hành chọn lựa tài liệu và thiết kế một giáo án cụ thể cho 1 bài học.

b. Ngôn ngữ học đối chiếu/Contrastive analysis

3tc (27,36,0)

Điều kiện tiên quyết: 9.22

Học phần cung cấp cho sinh viên công cụ về mặt lý thuyết để so sánh đối chiếu tiếng mẹ đẻ với một ngoại ngữ nhằm hiểu sâu hơn cả hai ngôn ngữ; cung cấp các thao tác cụ thể được sử dụng trong quá trình so sánh đối chiếu ngôn ngữ.

c. Phong cách học/Stylistics

3tc (27,36,0)

Điều kiện tiên quyết: 9.22

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về phong cách các loại văn bản trong tiếng Anh để hỗ trợ cho các kỹ năng ngôn ngữ khác, đồng thời tạo cơ sở để sinh viên tiếp tục nghiên cứu và học tập nâng cao.

d. Ngôn ngữ học xã hội/Socio – linguistics

3tc (27,36,0)

Điều kiện tiên quyết: 9.22

Học phần nhằm cung cấp cho SV kiến thức đại cương về các bình diện của ngôn ngữ giao tiếp: Cách thức xưng hô, chào hỏi, các hành động ngữ vi và các bình diện liên quan đến các hành động này, nhằm giúp họ nhận thức được những chuẩn tắc xã hội quy định những hành động ngôn ngữ.

10. Danh sách đơn vị tham gia thực hiện chương trình

TT	Học phần	Bộ môn
1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	Nguyên lý
2	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	Nguyên lý
3	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	Đường lối
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tư tưởng và PL
5	Ngoại ngữ II	NN không chuyên
6	Giáo dục thể chất	Khoa GD Thể chất
7	Giáo dục Quốc Phòng	Trung tâm GD QP
8	Pháp luật đại cương	Tư tưởng và PL
9	Tin học	Tin học ứng dụng
10	Tâm lý học	Tâm lý – GD
11	Dẫn luận ngôn ngữ học	Ngôn ngữ học
12	Cơ sở Văn hóa Việt nam	Ngôn ngữ học
12.1	KT địa phương Thanh Hoá	Lịch sử
12.2	Lịch sử văn minh thế giới	Lịch sử
12.3	Môi trường và con người	Địa Lý
13	Tiếng Việt thực hành	Ngôn ngữ học
14.1	Kỹ năng thuyết trình	NN- VH –PPGD
14.2	Công nghệ trong dạy học ngoại ngữ	NN- VH –PPGD
15	Phương pháp NCKH C.ngành tiếng Anh	NN- VH –PPGD
16	Giáo dục học	Tâm lý – GD
17	Quản lý NN &QL GD	Tâm lý – GD
18	Ngữ âm - Âm vị học	NN- VH –PPGD
19	Ngữ pháp	NN- VH –PPGD
20	Từ vựng-ngữ nghĩa học	NN- VH –PPGD
21.1	Ngữ dụng học	NN- VH –PPGD
21.2	Ngôn ngữ học tri nhận	NN- VH –PPGD
22	Phân tích diễn ngôn	NN- VH –PPGD
23	Biên dịch 1	NN- VH –PPGD
24	Biên dịch 2	NN- VH –PPGD
25	Phiên dịch	NN- VH –PPGD
26	Văn học Anh - Mỹ	NN- VH –PPGD
27	Văn hóa Anh - Mỹ	NN- VH –PPGD
28	Kỹ năng nghe nói 1	PTKN

29	Kỹ năng đọc viết 1	PTKN
30	Kỹ năng nghe nói 2	PTKN
31	Kỹ năng đọc viết 2	PTKN
32	Kỹ năng nghe nói 3	PTKN
33	Kỹ năng đọc viết 3	PTKN
34	Kỹ năng nghe nói 4	PTKN
35	Kỹ năng đọc viết 4	PTKN
36	Kỹ năng nghe nói 5	PTKN
37	Kỹ năng đọc viết 5	PTKN
38	Kỹ năng nghe nói 6	PTKN
39	Kỹ năng đọc viết 6	PTKN
40	Lý luận dạy tiếng Anh	NN- VH –PPGD
41	Kỹ thuật dạy tiếng Anh 1	NN- VH –PPGD
42	Kỹ thuật dạy tiếng Anh 2	NN- VH –PPGD
43	Kiểm tra đánh giá trong dạy học tiếng Anh	NN- VH –PPGD
44.1	Giao thoa văn hoá	NN- VH –PPGD
44.2	Giao tiếp liên văn hoá	NN- VH –PPGD
45.1	Tiếng Anh kinh tế	NN- VH –PPGD
45.2	Tiếng Anh du lịch	NN- VH –PPGD
45.3	Tiếng Anh thương mại	NN- VH –PPGD
46	Học phần thay thế KLTN	
46.1	Thiết kế giáo án và PT tài liệu dạy học	NN- VH –PPGD
46.2	Ngôn ngữ học đối chiếu	NN- VH –PPGD
46.3	Phong cách học	NN- VH –PPGD
46.4	Ngôn ngữ học xã hội	NN- VH –PPGD

11. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập

11.1. Hệ thống tư liệu, thư viện, mạng Internet

Yêu cầu trang bị đủ tài liệu dạy học và tham khảo để phục vụ giảng dạy.

Cần có hệ thống Internet ổn định để sinh viên tra cứu tài liệu, phục vụ làm bài tập lớn và luận văn tốt nghiệp.

11.2. Thiết bị chuyên dụng cho dạy và học ngoại ngữ

Sắp xếp sinh viên vào các phòng máy để thực hiện dạy học các học phần kỹ năng.

11.3. Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên học phần	Giáo trình, Tài liệu
1.	Ngữ dụng học	1. L.Mey, Jacob.(2001) <i>Pragmatics: An introduction</i> . Blackwell.
		2. Grice, H.P, (1998). <i>Studies in the way of words</i> . Harvard University Press: USA
		3. Yule, G. (2002). <i>Pragmatics</i> . Cambridge University Press.
2.	Ngôn ngữ học tri nhận	1. Lee, D. (2001). <i>Cognitive Linguistics-An Introduction</i> . OUP
		2. Lý Toàn Thắng. (2005). <i>Ngôn ngữ học tri nhận: từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt</i> . Nxb KHXH.
		3. Trần Văn Cơ. (2007). <i>Ngôn ngữ học tri nhận (Ghi chép và suy nghĩ)</i> . Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.
		4. Lyons, J. (1995). <i>Linguistic Semantics: An introduction</i> . OUP
3.	Tiếng Anh chuyên ngành	1. Hanson. G. (2002). <i>English for Tourism and Economics</i> . NXB Longman
		2. Vellas, V. (1995). <i>International Tourism: An Economic Perspective</i> : Palgrave Macmillan Publisher.
		3. Ghosh, M.A.B. Siddique and R. Gabbay. (2003). <i>Tourism and economic development:case studies from the Indian Ocean region</i> . Ashgate Publishing.
		4. Mathieson, A. & Wall. G. (1982). <i>Tourism, economic, physical and social impacts</i> . Longman.
4.	Ngữ nghĩa học	1. Nguyễn Hòa, (2004) <i>Understanding English semantics</i> . NXB ĐHNN – ĐHQG: HN
		2. Võ Đại Quang.(2003) <i>Lectures on Semantics</i> . NXB ĐHNN – ĐHQG: HN.
		3. Hoàng Tất Trường. (1993) <i>Từ vựng học cơ bản tiếng Anh</i> .
		4. Redman, Stuart. <i>English vocabulary in use</i> .CUP
5.	Phân tích diễn ngôn	1. Nguyễn Hoà (2000). <i>Introduction to Discourse Analysis</i> . Hà Nội: NXB Đại học quốc gia Hà Nội
		2. Hoàng Văn Vân. (2005). <i>Introducing Discourse Analysis</i> . Hà Nội: NXB Đại học quốc gia Hà Nội
		3. Nunan, D. (1992). <i>Introducing Discourse Analysis</i> . London: Penguin.
		4. Jaworski, A & Coupland, N. (1999). <i>The Discourse Reader</i> . London and New York: Routledge.
		5. Gee, J.P. (1999). <i>Introduction to Discourse Analysis: Theory and Method</i> . London and New York: Routledge
		6. Van Dijk, T. A. (2009). <i>Society and Discourse: How Social Context Influences Text and Talk</i> . Cambridge: Cambridge University Press.
6.	Ngữ pháp	1. Murpy, R. (2007). <i>Essential Grammar in Use</i> . Cambridge University Press
		2. Thompson, A., Martinetz, A. (1986). <i>A Practical English Grammar Exercise 1</i> . Oxford University Press
		3. 2. Thompson, A., Martinetz, A. (1986). <i>A Practical English Grammar Exercise 2</i> . Oxford University Press
		4. Elaine, W., Steve, E. (2000). <i>Grammar Practice: Elementary</i> . Longman Ltd.
		5. Elaine, W., Steve, E. (2000). <i>Grammar Practice: Intermediate</i> . Longman Ltd.
		6. Elaine, W., Steve, E. (2000). <i>Grammar Practice:</i>

		<i>Upperintermediate</i> . Longman Ltd.
7.	Giao thoa văn hóa	<p>1. Nguyen Quang. (2001). <i>Intercultural Communication</i>. NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội</p> <p>2. Kramsch. (2002). <i>Language and culture</i>. NXB Thống Kê</p> <p>3. Richard Ferraro, F. (2002). <i>Minority and Cross-Cultural Aspects of Neuropsychological Assessment</i>. Taylor and Francis Publisher</p> <p>4. Althen, Gary (Phạm Thị Thiên Tứ b.d.), <i>Phong cách Mỹ: Cẩm nang dành cho doanh nhân, du học sinh, khách du lịch (Biên dịch từ cuốn American Ways: A guide for foreigners in the United States)</i>, Nxb. Văn nghệ, Tp. Hồ Chí Minh, 2006</p> <p>5. Potvin, Claude & Stedman, Nicholas, <i>Dos & Don'ts in Vietnam</i>, Amarin Printing & Publishing Public Company Limited, Thailand, 2005.</p>
8.	Giao tiếp liên văn hóa	<p>1. Halliday. A.(2010). <i>Inter-cultural communication - An advanced resource book</i>. Cambridge University Press.</p> <p>2. Varner, Iris & Beamer, Linda, <i>Intercultural Communication in the Global Workplace</i>, 3 rd Ed., McGraw-Hill/Irwin, New York, 2005</p> <p>3. Thomas, David C. & Inkson, Kerr, <i>Cultural Intelligence</i>, Berrett-Koehler Publishers, San Francisco, 2004</p> <p>4. Axtell, Roger E. (Y Nhã LST biên dịch), <i>Cử chỉ: Những điều nên làm và nên tránh trong ngôn ngữ cử chỉ khắp thế giới (Biên dịch từ cuốn Gestures: The Do's and Taboos of Body Language Around the World) Tái bản lần 2</i>, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 2003</p>
9.	Văn học Anh Mỹ	<p>1. Nguyễn Thị Quyết. (2010). <i>English and American Literature</i>. Tài liệu sử dụng nội bộ</p> <p>2. Nguyễn Xuân Thom (1997) <i>A History of English and American Literature. Hà Nội: NXB Thế Giới</i></p> <p>3. Young, T. (2008). <i>Studying English Literature: A Practical Guide</i>. Cambridge: Cambridge University Press</p> <p>4. Guerin, et. al. (2005). <i>A Handbook of Critical Approaches to Literature</i>. Oxford: Oxford University Press.</p> <p>5. Sanders, A. (2002). <i>The Short Oxford History of English Literature</i>. Oxford: Oxford University Press.</p>
10.	Văn hóa Anh - Mỹ	<p>1. Falk, R. 1993. <i>Spotlight on the USA</i>. Oxford University Press.</p> <p>2. Garwood, C., Gardani, G., & Peris, E. 1992. <i>Aspects of Britain and the USA</i>. Oxford University Press.</p> <p>3. Fielder, E., Jansen, R., & Norman-Risch, M. 1990. <i>American in close-up</i>. Longman Ltd.</p> <p>4. Abraham, P., & Mackey, D. 1989. <i>Contact USA</i>. Prentice Hall Regents.</p> <p>5. Musman, R. 1987. <i>Background to English-speaking countries</i>. Macmillan Publishers.</p> <p>6. Broukal, M., & Murphy, P. 2002. <i>All about the USA</i>. NXB TP Hồ Chí Minh.</p> <p>7. Dowall, Mc., <i>D Britain in close-up</i>. 2002. Nhà xuất bản Trẻ.</p>
11.	Ngữ âm – Âm vị học	<p>1. Jenkins, J <i>Phonology of English as an Internationa Language</i>. Oxford. OUP.</p> <p>2. Lecumberri, M. L. G., J.A. Maidment. (1999). <i>English Transcription Course</i>. Routledge.</p>

		3. Ladefoge, P. (2001). <i>A Course in Phonetics</i> . Thomson Learning Inc., Boston.
		4. Handcock, M. <i>English Pronunciation in Use</i> . Cambridge. (2012)
		5. Yates, J. <i>Pronounce It Perfectly In English</i> . (2005) Barron
12.	Luyện phát âm tiếng Anh	1. Handcock, M. (2012). <i>English Pronunciation in Use</i> . Cambridge.
		2. Yates, J. (2005). <i>Pronounce It Perfectly In English</i> . Barron.
		3. Cameron, S. (2011). <i>Perfecting Your English Pronunciation</i> . McGraw-Hill.
		4. Celce - Murcia, M. (2010). <i>Teaching Pronunciation</i> . Cambridge
		4. Baker, A. (2006). <i>Ship or Sheep?</i> Cambridge: Cambridge University Press.
13.	Biên dịch	1. Duff, A. (1991). <i>Translation</i> . Oxford University Press
		2. Newmark, P. (1984). <i>A Textbook of Translation</i> . Prentice Hall International
		3. Newmark, P. (1989). <i>Approaches to Translation</i> . Prentice Hall International
		4. Nguyễn Việt Kỳ. <i>Translation Practice (second year)</i> . Vietnam national university, Hanoi, 2002
		5. <i>English – Vietnamese Translation Material</i> . Vietnam national university, Hanoi.
		6. Vũ Tuấn Tú. <i>Luyện dịch báo chí Anh – Việt</i> . Nhà xuất bản thông tấn, 2002.
		7. Hồ Văn Hòa. <i>Luyện dịch Việt – Anh</i> . Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2001.
		8. Tổ dịch – Khoa Tiếng Anh. <i>Tài liệu luyện dịch viết Anh-Việt và Việt-Anh</i> . Trường Đại học Ngoại ngữ - Hà nội.
		9. N.H Viet Tien, Elizabeth Hodgkin. <i>Sổ tay người dịch tiếng Anh</i> . Nhà xuất bản giáo dục, 1999.
14.	Phiên dịch	1. Nguyễn Quốc Hùng. <i>Hướng dẫn kỹ thuật phiên dịch Anh – Việt, Việt – Anh</i> . (2007). NXB Văn Hóa Sài Gòn.
		2. Bùi Tiến Bảo & Đặng Xuân Thu. <i>Lý thuyết dịch (Interpreting and interpretation Coursebook)</i> . (1999). Trường ĐH Hà Nội.
		3. Gile, D. <i>Basic concepts and models for interpreter and translator training</i> . (1995). 4. Newmark, P. <i>A textbook of interpretation</i> . (1998).
		5. Greenbaum, Sidney & Randolph, Q. <i>A student's grammar of the English Language</i> . (1988).
15.	Lý luận dạy tiếng Anh	1. <i>Edited Material for Language Teaching</i> . Tài liệu sưu tầm và chọn lọc - Sử dụng nội bộ.
		2. Freeman, L. (1991). <i>Techniques and principles in Language Learning</i> . Nxb Oxford
		3. Lê Văn Canh (2004). <i>Introducing English Language Teaching Methodology</i> . NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
		4. Mishan, F (2005). <i>Designing Authenticity into Language Learning</i>

		<p><i>Materials</i>. Bristol: Intellect Books</p> <p>5. Lê Văn Canh (2004). <i>Understanding English Language Teaching Methodology</i>. NXB Đại học quốc gia Hà Nội.</p> <p>6. Jeremy Harmer (2002), <i>The Practice of English language teaching</i>. Longman</p> <p>7. <i>Edited Material for Language Teaching</i>. Tài liệu sưu tầm và chọn lọc - Sử dụng nội bộ.</p> <p>8. Diane Larsen-Freeman, Marti Anderson (2013), <i>Teaching Techniques in English as a Second Language</i>. Oxford University Press.</p>
16.	Kỹ thuật dạy học tiếng Anh 1	<p>1. <i>Edited Material for Language Teaching</i>. Tài liệu sưu tầm và chọn lọc - Sử dụng nội bộ.</p> <p>2. Freeman, L. (1991). <i>Techniques and principles in Language Learning</i>. Nxb Oxford</p> <p>3. Lê Văn Canh (2004). <i>Introducing English Language Teaching Methodology</i>. NXB Đại học quốc gia Hà Nội.</p> <p>4. Bộ SGK Tiếng Anh 10, 11, 12 biên soạn theo chương trình mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>5. Nhiều tác giả (1991). <i>Languages Teaching in the Nineties</i>. . Nxb Oxford. 6. Nhiều tác giả. (2007). <i>Language Learning and Teaching as Social Interaction</i>. New York: Mac Milan.</p> <p>7. Mishan, F (2005). <i>Designing Authenticity into Language Learning Materials</i>. Bristol: Intellect Books</p>
17.	Kỹ thuật dạy học tiếng Anh 2	<p>1. <i>Edited Material for Language Teaching</i>. Tài liệu sưu tầm và chọn lọc - Sử dụng nội bộ.</p> <p>2. British Council (2003,a, b). <i>English language teaching methodology</i> (Edited material for language teaching). (Tài liệu sử dụng nội bộ)</p> <p>3. Hadfield, J., & Hadfield, Ch., (1996). <i>Simple Reading Activities</i>. Oxford: Oxford University Press.</p> <p>5. Byrne, D. (1998). <i>Teaching Writing Skills Handbook</i>. London and New York: Longman.</p>
18.	Dạy tiếng Anh trẻ em	<p>1. Dennis E. Murray (2010) <i>What English teachers need to know</i>. NXB Routledge.</p> <p>2. Thomas Armstrong. (2009). <i>Multiple intelligences in the classroom</i>. NXB Association for Supervision & Curriculum Deve.</p> <p>3. Slattery, M. & Jane Willis. (2001). <i>English for primary teachers: a handbook of activities and classroom language</i>. NXB Oxford University Press.</p> <p>4. Gass, S.M. (2011). <i>The Routledge handbook of second language acquisition</i>. NXB Routledge.</p> <p>5. Dziombak, E. (2011). <i>Teaching English to young learners</i>. HCM City Department of Education and Training.</p> <p>6. Svecova, H. (2007). <i>Oxford basics for children: listen and do</i>. NXB Oxford University Press.</p> <p>7. Davis. P. & M. Rinvoluceri. (1989). <i>Dictation: new methods. new possibilities</i>. NXB Cambridge University Press.</p>
19.	Kiểm tra đánh giá trong dạy học tiếng Anh	<p>1. Macnamara. (2000). <i>Language Testing</i>. OUP</p> <p>2. Bachman, L.F.; Palmer, A.S. <i>Language Testing in Practice</i>. OUP</p> <p>3. Kopriva, R. J. (2008). <i>Improving testing for English language learners</i>. New York: Routledge.</p> <p>4. Heaton, J.B. (1997). <i>Classroom Testing</i>.</p>

		Longman
20.	Công nghệ trong dạy ngoại ngữ	<p>1. Bùi Ngọc Oánh. (2009). <i>Ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy – học ngoại ngữ</i></p> <p>2. Fatouros C., Walters-Moore C. (1997). <i>Using Software in English</i>, Melbourne: Language Australia. CAE Press</p> <p>3. <i>Microsoft Office: User's Guide</i>. (1993). Cambridge: Microsoft Corporation.</p>
21.	Thiết kế giáo án và phát triển tài liệu dạy học	<p>1. Mishan, F. (2005). <i>Designing Authenticity into Language Learning Materials</i>. Bristol: Intellect Ltd</p> <p>2. Serdyukov, P. and Ryan, M. (2008). <i>Writing Effective Lesson Plans: The 5-Star Approach</i>. Boston: Allyn & Bacon.</p> <p>3. Baker, J; Westrup, H. (2000). <i>The English Language Teacher's Handbook</i>. Continuum.</p> <p>4. Skowron, J (2006). <i>Powerful Lesson Planning: Every Teachers Guide to Effective Instruction</i>. Thousand Oaks, CA: Corwin Press.</p> <p>5. Tomlinson, B. (2003). <i>Materials development for language learning and teaching</i>. Cambridge.</p> <p>6. Nunan. D. (1989). <i>Designing Tasks for the Communicative Classroom</i>. Cambridge: Cambridge University Press.</p> <p>7. Graves, K. (2000). <i>Designing Language Courses: A Guide for Teachers</i>. Boston: Heinle and Heinle Publisher</p> <p>8. Richard, J. C. (2011). <i>Curriculum Development in Language Teaching</i>. Cambridge: Cambridge University Press</p>
22.	Ngôn ngữ học đối chiếu	<p>1. James, C. (1980). <i>Contrastive Analysis</i>. London: Longman.</p> <p>2. Lado, R. (1957). <i>Linguistics across Cultures</i>. Ann Arbor: University of Michigan Press.</p> <p>3. Fisiak, J. (ed.) (1981). <i>Contrastive Analysis and the Language Teacher</i>. Oxford: The Pergamon Institute of English.</p> <p>4. Hellinger, M. & U. Ammon (1996). <i>Contrastive Sociolinguistics</i>. Berlin: Mouton de Gruyter.</p>
23.	Phong cách học	<p>1. Simpson, P (2004). <i>Stylistics : A resource book for students</i>. Routledge</p> <p>2. Richard, B (1997). <i>Stylistics</i>. London and New York: Routledge</p> <p>3. Lesley, J. Daniel, M. (2010). <i>Stylistics</i>. Cambridge University Press</p> <p>4. Nikolas, C. (2007). <i>Style: Language Variation and Identity</i>. Cambridge University Press</p>
24.	Ngôn ngữ học xã hội	<p>1. Janet Holmes (2008). <i>An introduction to Sociolinguistics</i>, Third edition,</p> <p>2. <i>Ngôn ngữ, văn hóa và xã hội – Một cách tiếp cận liên ngành (Tuyển tập dịch)</i> (2006)</p> <p>3. Lương Văn Hy (2002). <i>Ngôn từ, giới và nhóm xã hội từ thực tế tiếng Việt</i>. NXB KHXH.</p>
25.	Kỹ năng thuyết trình	<p>1. Mark Powell <i>Presenting in English</i>. (2003). CUP</p> <p>2. Susan M. Reinhart <i>Giving Academic Presentations</i>. (2002). MUP.</p> <p>3. Johanna Rendle-Short (2004). <i>The academic presentation: situated talk in action</i>. Oxford: Oxford University Press.</p> <p>4. Nguyễn Thị Oanh <i>Làm việc theo nhóm</i>. (2007). NXB Trẻ</p> <p>5. Lani Arredondo <i>Kỹ năng giao tiếp tối ưu</i>. (2007). NXB Tổng Hợp</p> <p>6. Angela Murray, <i>Thuyết trình chuyên nghiệp</i>. (2009). NXB Trẻ, Hóa</p>
26.	Tiếp thu ngôn ngữ thứ hai	<p>1. Murial Saville-Troike. (2006). <i>Introducing Second Language Acquisition</i>. Cambridge University Press.</p> <p>2. Ellis, R. (1997). <i>Second Language Acquisition</i>. Oxford University Press</p> <p>3. Lightbown, Patsy M. & Spada, Nina. (1999). <i>How Languages are Learned (Second Edition)</i>. Oxford: Oxford University Press.</p>

		4. Kees de Bot, Wander Lowie and Marjolijn Verspoor. (2005). <i>Second Language Acquisition: An advanced resource book</i> . Routledge.
27.	Tiếng Pháp 1,2	1. Jacky Girardet ,Jacques Pécheur, 2004, <i>Campus I. - Méthode de français</i> . CLE International/ VUEF, Tours, France. (D1) 2. Jacky Girardet ,Jacques Pécheur , 2004, <i>Campus I. – Cahier d’exercice</i> .CLE International/ VUEF, Tours, France. (D2) 3. Michele Boularès et Jean-Louis Frérot, <i>Grammaire progressive du français avec 400 exercices</i> , CLE International, Paris, 2004 4.Y. De Latour, D. Jennepin, M.Léon-Dufour, A.Mattlé,B.Tessier, <i>Grammaire - 350 exercices Niveau moyen</i> , Hachette, Paris, 2003
28.	Tiếng Pháp 3	1. Jacky Girardet ,Jacques Pécheur, 2004, <i>Campus II - Méthode de français</i> . CLE International/ VUEF, Tours, France. (D1) 2. Jacky Girardet ,Jacques Pécheur , 2004, <i>Campus II – Cahier d’exercice</i> . CLE International/ VUEF, Tours, France. (D2) 3. Michele Boularès et Jean-Louis Frérot, <i>Grammaire progressive du français avec 400 exercices</i> , CLE International, Paris, 2004 4. Y. De Latour, D. Jennepin, M.Léon-Dufour, A.Mattlé,B.Tessier, <i>Grammaire - 350 exercices Niveau intermédiaire</i> , Hachette, Paris, 2003
29.	Tiếng Trung Quốc 1	1. Trần Thị Thanh Liêm (biên dịch). <i>Giáo trình Hán ngữ Tập 1</i> . NXB Đại học sư phạm 2. Lê Anh Minh, Nguyễn Quốc Đại. (2012). <i>Giáo trình tiếng Hoa sơ cấp</i> . NXB Đại học sư phạm 3. Lê Anh Minh. <i>3500 từ cơ bản Hán ngữ hiện đại</i> . NXB Văn hóa thông tin 4. Lê Huy Khoa (2012). <i>Tự học giao tiếp tiếng Hán cơ bản</i> . NXB Đại học sư phạm
30.	Tiếng Trung Quốc 2	1. Trần Thị Thanh Liêm (biên dịch). <i>Giáo trình Hán ngữ Tập 2</i> . NXB Đại học sư phạm 2. Bích Ngọc (biên dịch). (2002). <i>Giáo trình Nghe Nói tiếng Hoa</i> . NXB Trẻ. 3. Lê Anh Minh. <i>3500 từ cơ bản Hán ngữ hiện đại</i> . NXB Văn hóa thông tin 4. Lê Huy Khoa (2012). <i>Tự học giao tiếp tiếng Hán cơ bản</i> . NXB Đại học sư phạm
31.	Tiếng Trung Quốc 3	1. Trần Thị Thanh Liêm (biên dịch). <i>Giáo trình Hán ngữ Tập 3</i> . NXB Đại học sư phạm 2. Bích Ngọc (biên dịch). (2002). <i>Giáo trình Nghe Nói tiếng Hoa</i> . NXB Trẻ. 3. Lê Anh Minh. <i>3500 từ cơ bản Hán ngữ hiện đại</i> . NXB Văn hóa thông tin 4. Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục (biên dịch). <i>301 câu đàm thoại tiếng Hoa – Bản chữ phồn thể</i> . NXB Khoa học xã hội
32.	Nghe-nói 1	1. Leo Jones (2003). <i>Let's talk 1</i> . Cambridge University Press 2. Judith Tanka (2001). <i>Interaction 1</i> . NXB McGraw-Hill 3. Jack C.Richards (2002). <i>Basic tactics for listening</i> . Oxford University Press 4. Lin, Loughheed. (2008). <i>Learning to Listen 1</i> . Oxford University Press 5. David Nunan (2003). <i>Listen in 1</i> . Thomson Heinle 6. Jack C. Richards (1982). <i>Listen carefully</i> . Oxford University Press 7. <i>Cambridge Key English Test 1,2,3,4,5</i> (1996). Cambridge University

		Press.
33.	Đọc-viết 1	<p>1. Alice Savage & Patricia Mayer. (2005). <i>Effective Academic Writing 1</i>. Cambridge University Press.</p> <p>2. Keil J. Anderson. (1996). <i>Active Skills for Reading – Book 2</i>. Heine and Heine.</p> <p>3. Sue Ireland & Joanna Costa. (2009) <i>Target PET</i>. Richmond Publishing.</p> <p>4. <i>Cambridge Preliminary English Test 1</i> (1996) (PET). Cambridge University Press.</p> <p>5. <i>Cambridge Preliminary English Test 2</i> (1996) (PET). Cambridge University Press.</p> <p>6. <i>Cambridge Preliminary English Test 3</i> (1996) (PET). Cambridge University Press.</p> <p>7. Linda Lee, Babara Bushby (2000). <i>Thoughts and Notions</i>. First New</p> <p>8. Patricia Ackert (1994). <i>Cause & Effect</i>. Heine & Heine Publishers.</p> <p>9. Tanka, Judith & Baker, Lida R. (1996). <i>Writing in English 1</i>. McGraw-Hill.</p> <p>10. Susan Stempleski, Alison Rice, Julia Falsetti. (2002). <i>Writing 1</i>. Orlando Fla: Harcourt.</p>
34.	Nghe-nói 2	<p>1. Lin, Lougheed. (2008). <i>Learning to Listen 2</i>. Oxford University Press</p> <p>2. Leo Jones (2003). <i>Let's talk 2</i>. Cambridge University Press.</p> <p>3. Sue Ireland and Joanna Costa. (2014). <i>Succeed in Cambridge English Preliminary</i>. Nhà xuất bản tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>4. Jack C. Richards (2002). <i>Developing Tactics for Listening</i>. Oxford University Press</p> <p>5. John Mc Clintock & Bonjie Stern. (2006). <i>Let's Listen</i>. Longman.</p> <p>6. Malcolm Mann & Steve Taylor Knowles. (2003). <i>Listening and Speaking</i>. Macmillan</p> <p>7. <i>Cambridge Preliminary English Test 4</i> (1996) (PET). Cambridge University Press.</p> <p>8. <i>Cambridge Preliminary English Test 5</i> (1996) (PET). Cambridge University Press.</p> <p>9. <i>Cambridge Preliminary English Test 6</i> (1996) (PET). Cambridge University Press.</p>
35.	Đọc-viết 2	<p>1. Alice Savage & Patricia Mayer. (2005). <i>Effective Academic Writing 1</i>. Cambridge University Press.</p> <p>2. Keil J. Anderson. (2003). <i>Active Skills for Reading/Book 2</i>. Heine Sue and Heine.</p> <p>3. Sue Ireland and Joanna Costa. (2014). <i>Succeed in Cambridge English Preliminary</i>. Nhà xuất bản tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>4. Karen Blanchard, Christine Root. (1996). <i>For Your Information 2. Intermediate Reading Skills</i>. Addison- Wesley Publishing Company.</p> <p>5. Linda Lee, Erik Gunderson. (2002). <i>Select Readings Intermediate</i>. OUP.</p> <p>6. Dorothy E Zemach & Lisa A Rumisek. (2003). <i>College Writing – From Paragraph to Essay</i>. Macmillan Publishers Limited.</p> <p>7. Tanka, Judith & Baker, Lida R. (1996). <i>Writing in English 2</i>. McGraw- Hill.</p> <p>8. <i>Cambridge Preliminary English Test 4,5,6</i> (1996). Cambridge</p>

		University Press.
36.	Nghe-nói 3	<p>1. Leo Jones (2003). <i>Let's talk 3</i>. Cambridge University Press</p> <p>2. David Rea et all. (2010) <i>English Unlimited B1+</i>. Cambridge University Press. (ĐH)</p> <p>3. <i>Cambridge First Certificate in English 1</i>. (1996). CUP</p> <p>4. David Nunan (2003). <i>Listen in 3</i>. Thomson Heinle.</p> <p>5. Jack C.Richards (2002). <i>Expanding tactics for listening</i>. Oxford University Press.</p> <p>6. Judith Tanka (2001). <i>Mosaic 1</i>. NXB McGraw-Hill</p> <p>7. Lin, Lougheed. (2008). <i>Learning to Listen 2</i>. OUP.</p> <p>8. Malcolm Mann & Steve Taylor Knowles (2003). <i>Listening and speaking</i>. Macmillan</p> <p>9. Thomas (2004). <i>Materials for the development of listening skills</i>. NXB Longman.</p>
37.	Đọc-viết 3	<p>1. Karen Blanchard, Christine Root (1996). <i>For Your Information 3: High-Intermediate Reading Skills</i>. Addison-Wesley Publishing Company.</p> <p>2. Alice Savage & Patricia Mayer. (2005). <i>Effective Academic Writing 3</i>. Cambridge University Press.</p> <p>3. David Rea et all. (2010) <i>English Unlimited B1+</i>. Cambridge University Press.</p> <p>4. Tanka, Judith & Baker, Lida R. (1996). <i>Writing in English 3</i>. Mc Graw- Hill.</p> <p>5. Linda Lee, Erik Gunderson. (2001). <i>Select Readings 3- Upper- Pre-Intermediate</i>. OUP</p> <p>6. <i>Cambridge First Certificate in English 1</i>. (1996). CUP</p> <p>7. <i>Cambridge First Certificate in English 1</i>. (1996). CUP</p>
38.	Nghe-nói 4	<p>1. Elaine Boyd, Mary Stephen. (2008). <i>Activate – B2 – Student Book</i>. Pearson Longman.</p> <p>2. Elaine Boyd, Mary Stephen. (2008). <i>Activate – B2 – Work book</i>. Pearson Longman.</p> <p>3. Guy Brook-Hart, Vanessa Jakeman. <i>Complete IELTS – B2 – Student Book</i>. CUP.</p> <p>4. Guy Brook-Hart, Vanessa Jakeman. <i>Complete IELTS – B2 – Work Book</i>. CUP.</p> <p>5. Elaine Boyd, Mary Stephen. (2008). <i>Activate – B2 – Use of English</i>. Pearson Longman.</p> <p>6. Judith Tanka (2001). <i>Mosaic 1</i>. NXB McGraw-Hill</p> <p>7. Jack C.Richards (2002). <i>Expanding Tactics for Listening</i>. OUP.</p> <p>8. <i>Cambridge First Certificate in English 3,4,5</i>, (1996). Cambridge University Press.</p>
39.	Đọc-viết 4	<p>1. Elaine Boyd, Mary Stephen. (2008). <i>Activate – B2 – Student Book</i>. Pearson Longman.</p> <p>2. Elaine Boyd, Mary Stephen. (2008). <i>Activate – B2 – Work book</i>. Pearson Longman.</p> <p>3. Guy Brook-Hart, Vanessa Jakeman. <i>Complete IELTS – B2 – Student Book</i>. CUP.</p> <p>4. Guy Brook-Hart, Vanessa Jakeman. <i>Complete IELTS – B2 – Work Book</i>. CUP.</p> <p>5. Elaine Boyd, Mary Stephen. (2008). <i>Activate – B2 – Use of English</i>. Pearson Longman.</p>

		6. <i>Cambridge First Certificate in English 3,4,5</i> , (1998). Cambridge University Press.
40.	Nghe-nói 5	1. Virginia Evans – Linda Edwards. (2003). <i>Upstream – Advanced Student Book</i> . Express Publishing. 2. Antonia Clare, Wilson. (2008). <i>Speak out – Podcast 1,2</i> . Pearson Longman. 3. Virginia Evans – Linda Edwards. (2003). <i>Upstream – Advanced Work Book</i> . Express Publishing. 4. Felicity O’dell, Annie Broadhead (2002). <i>Objective CAE</i> . CUP. 5. Hugh Della and Andrew Walkey (2012). <i>Outcomes. Student’s books</i> . Heine. Gengage Learning EMEA. 6. Hugh Della and Andrew Walkey (2012). <i>Outcomes. Work books</i> . Heine. Gengage Learning EMEA.
41.	Đọc-viết 5	1. Virginia Evans – Lynda Edwards. (2007). <i>Upstream – Advanced CI</i> . CUP. 2. Richard Brown and Lewis Richards. (2012). <i>IELTS Advantage Writing Skills</i> . Delta Publishing. 3. Richard Brown and Lewis Richards. (2012). <i>IELTS Advantage Reading Skills</i> . Delta Publishing. 4. Felicity O’dell, Annie Broadhead (2002). <i>Objectives CAE</i> . CUP. 5. <i>Cambridge Certificate in Advanced English 1,2,3</i> . CUP. 6. Guy Brook- Hart, Vanessa Jakeman. <i>Complete IELTS – C1- Student book</i> . CUP.
42.	Nghe-nói 6	1. Karen Kovacs. (2011). <i>Listening for IETLS</i> . HarperCollins Publishers 2. Karen Kovacs. (2011). <i>Speaking for IETLS</i> . HarperCollins Publishers 3. Vanessa Jakeman & Clare McDowell (2008). <i>New Insight into IELTS Student Book</i> . CUP. 4. Hugh Della and Andrew Walkey (2012). <i>Outcomes. Work books</i> . Heine. Gengage Learning EMEA. 5. Fiona Aish & Jo Tomlinson (2011). <i>Listening for IELTS</i> . Happer Collins Publishers. 6. <i>Cambridge Certificate in Advanced English 3,4</i> . CUP.
43.	Đọc-viết 6	1. Sally Burgess & Amanda Thomas.(2014). <i>Gold Advanced Course</i> . Pearson Longman. 2. Collin (2011). <i>Writing for IELTS</i> . Harper Collins Publishers. 3. <i>Cambridge Certificate in Advanced English 4,5,6</i> . CUP. 4. <i>Cambridge Certificate in Advanced English 4,5,6</i> . Cambridge University Press 5. Vanessa Jakeman & Clare McDowell (2001). <i>Cambridge Practice Tests for IELTS 1,2,3</i> . CUP.

Ghi chú: Đối với mỗi học phần, những tài liệu đánh số 1 và 2 là tài liệu chính, còn lại là tài liệu tham khảo)

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh được xây dựng trên cơ sở chương trình khung giáo dục Đại học, ngành đào tạo Tiếng Anh, trình độ đào tạo

Đại học của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 36/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 25 tháng 10 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo và các quy định xây dựng chương trình chuyển đổi từ niên chế HP sang học chế tín chỉ của trường ĐH Hồng Đức và tham khảo các chương trình cùng ngành của các trường ĐH trong và ngoài nước.

Chương trình đào tạo ngành là cơ sở giúp Hiệu trưởng quản lý chất lượng đào tạo, là quy định bắt buộc đối với tất cả các khoa chuyên môn nghiêm túc thực hiện theo đúng nội dung chương trình đã xây dựng.

Căn cứ chương trình đào tạo ngành, trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng đề cương chi tiết học phần và hồ sơ học phần theo quy định của Trường sao cho vừa đảm bảo được mục tiêu, nội dung, yêu cầu đề ra, vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện cụ thể nhà trường, của địa phương, đáp ứng được nhu cầu của người học và của toàn xã hội. Trên cơ sở đề cương chi tiết học phần, tiến hành xây dựng kế hoạch kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hoá chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khoá đào tạo.

Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm ký, duyệt đề cương chi tiết học phần, xây dựng kế hoạch dạy học, kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế; các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo, chuẩn đầu ra. Trưởng các Phòng, Ban, Trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

Trong quá trình thực hiện chương trình, hàng năm nếu Khoa/Bộ môn thấy cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, làm văn bản trình lên Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường xem xét. Nếu thấy hợp lý Hội đồng Khoa học và Đào tạo trình Hiệu trưởng quyết định điều chỉnh và chỉ được điều chỉnh khi có Quyết định của Hiệu trưởng./.

Hiệu trưởng

TS. Nguyễn Mạnh An